

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 245/2022/DS-PT

Ngày: 19 - 12 - 2022

“V/v: Yêu cầu bồi thường thiệt hại”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Bình.

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Văn Bằng;

2. Bà Nguyễn Thị Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bích Ngân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Diệu Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 312/2022/TLPT-DS ngày 10/11/2022, về việc “*Yêu cầu bồi thường thiệt hại*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2022/DS-ST ngày 31/8/2022 của Toà án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 269/2022/QĐPT-DS ngày 24/11/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Hoàng Nghĩa D; địa chỉ: Thôn M, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2. *Bị đơn:* Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Bà H’P Mlô - Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Lê Xuân B - Chức vụ: Phó Chủ tịch (Văn bản ủy quyền ngày 10/5/2021); địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

3. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Hoàng Nghĩa D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**/ Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Hoàng Nghĩa D trình bày có nội dung như sau:*

Ngày 16/4/2015, gia đình ông D xây công trình phụ và xây móng tường rào đúng phần đất được nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Ngọc X và bà Nguyễn Thị H.

Ngày 20/4/2015, Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã P, huyện K đã lợi dụng quyền hạn chỉ đạo cho cán bộ địa chính là ông Lê Minh T và Ban thôn M, là những cán bộ thuộc Ủy ban nhân dân xã P quản lý đến đo đất của gia đình ông D và đất của Hội trường thôn M. Lợi dụng gia đình ông D là người dân thiếu hiểu biết nên đã tiến hành lập biên bản cho rằng gia đình ông D lấn đất Hội trường thôn M phía trước 0,38m, phía sau 0,30m, sau đó buộc gia đình ông D ký vào biên bản, phải dịch 27m tường rào vào 0,30m và buộc gia đình ông D tháo dỡ 2 trụ cột thép, móng công trình phụ.

Vào tháng 6/2017, UBND xã P chỉ đạo Ban thôn M xây 02 trụ rào bê tông sang phần móng nhà của ông Nguyễn Ngọc X xây ổn định từ năm 2003, gia đình ông D đã làm đơn yêu cầu UBND xã P đo đạc lại và trả phần đất đã lấn chiếm của gia đình ông nhưng không được UBND xã P giải quyết. Gia đình ông D đã gửi đơn đến UBND huyện K và Tòa án nhân dân huyện K. Sau đó, Tòa án nhân dân huyện K đã thu lý vụ án, ngày 18/8/2020, Tòa án đã phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện K, UBND xã P, Ban thôn M, xã P và Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện K, tiến hành đo đạc lại đất Hội trường thôn M và đất UBND xã P cho thôn M xây sang phần móng nhà ông Nguyễn Ngọc X 0,30m (không thuộc UBND xã P quản lý). Tòa án tiến hành lập biên bản trả lại phần đất trên cho gia đình ông D. Ông D đã rút đơn khởi kiện và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án.

Ngày 06/11/2020, gia đình ông D gửi đơn yêu cầu UBND xã P phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại 27m tường rào, 02 trụ bê tông cốt thép và móng kết cấu toàn bộ công trình phụ, thiệt hại gây ra cho gia đình ông do việc UBND xã P chỉ đạo cán bộ đo đạc và buộc gia đình ông phải tháo dỡ công trình vào ngày 20/4/2015, nhưng UBND xã P không giải quyết.

Vì vậy, ông D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc UBND xã P phải bồi thường thiệt hại cho gia đình ông những khoản thiệt hại sau:

1. Bồi thường thiệt hại 27m tường rào: $300.000\text{đ}/\text{m} \times 27\text{m} = 8.100.000$ đồng;
2. Tường, 02 trụ bê tông cốt thép và móng công trình phụ làm ảnh hưởng toàn bộ kết cấu công trình nhà tắm và nhà vệ sinh, tổng diện tích $9,2\text{m}^2$ (ngang 4m, rộng 2,30m), trị giá 22.000.000 đồng, yêu cầu UBND xã P phải đền bù $\frac{1}{2}$ số tiền này là 11.000.000 đồng.
3. Tiền chênh lệch đăng ký đất thổ cư, cụ thể: năm 2015 là $380.000\text{đ}/\text{m}^2$; năm 2022 là $620.000\text{đ}/\text{m}^2$, nên phần thiệt hại của việc đăng ký đất thổ cư của 400m^2 tại thời điểm hiện nay so với năm 2015 là 96.000.000 đồng.
4. Tiền gây tổn thất danh dự, tinh thần từ ngày 20/4/2015 đến ngày 30/11/2020 là 05 năm 07 tháng, với số tiền $5.000.000\text{đ}/\text{năm}$ (01 tháng là 416.667đ), nên số tiền bồi thường tổn thất tinh thần của 67 tháng là 28.000.000 đồng.

Tổng số tiền phải bồi thường là 143.100.000 đồng.

**/ Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn UBND xã P là ông Lê Xuân B trình bày nội dung như sau:*

Vào năm 2015, UBND xã P nhận được phản ánh của một số người dân Thôn M về việc có một số hộ dân có đất giáp ranh với Hội trường thôn M lấn chiếm đất Hội trường thôn. Ngày 20/4/2015, UBND xã cử cán bộ công chức địa chính xã phối hợp với Ban thôn M tiến hành đo đạc, hướng dẫn ông Hoàng Nghĩa D, là người đang tổ chức xây dựng. Theo nội dung biên bản đã lập ngày 20/4/2015, đề nghị ông D sử dụng đúng diện tích đất đã nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Ngọc X (400m²) và ông D thống nhất với đề nghị của công chức địa chính xã.

Năm 2017, ông D có đơn kiến nghị đến UBND xã, cho rằng Ban thôn M xây dựng tường rào lấn chiếm sang phần đất của mình. UBND xã đã kiểm tra và trả lời ông Hoàng Nghĩa D theo Công văn số 42/UBND ngày 31/5/2017, về việc trả lời đơn kiến nghị của công dân. Đồng thời UBND xã tổ chức hòa giải tranh chấp đất đai giữa Ban thôn M với ông D, kết quả hòa giải không thành. UBND xã hướng dẫn ông Hoàng Nghĩa D khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện K để được giải quyết theo quy định.

Đến ngày 18/8/2020, Tòa án nhân dân huyện K mời đại diện UBND xã P, các phòng ban của UBND huyện K, cùng với Ban thôn M (đại diện là ông Phan Tự Bình trưởng thôn) và ông Hoàng Nghĩa D. Tại buổi làm việc, ông Phan Tự B đã thống nhất công nhận phần diện tích 407m² (trên diện tích 400m² đất được cấp cho ông Nguyễn Ngọc X). Như vậy diện tích ông D sử dụng đã vượt 07m², là đã tạo điều kiện để ông Hoàng Nghĩa D sử dụng phần công trình xây mới. Từ việc thỏa thuận của Ban thôn M, xã P, ông D lại cho rằng mình đã đúng, nên đòi hỏi quyền lợi, đòi bồi thường thiệt hại số tiền 143.100.000 đồng là thiếu thiện chí xây dựng và không đúng bản chất sự việc. Cụ thể trong biên bản làm việc ngày 20/5/2015, công chức địa chính xã không yêu cầu ông D cắt 02 trụ sắt, chuyển dịch công trình phụ và chuyển dịch 27m chiều dài hàng rào vào 0,30m như trong đơn ông D đã nêu. Việc ông D có thêm 07m² đất so với giấy tờ là do UBND xã và Ban thôn tạo điều kiện cho gia đình ông D để ổn định ranh giới sử dụng, chứ không phải do UBND xã có sai phạm trong việc buộc tháo dỡ, dịch chuyển công trình. Do đó UBND xã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo pháp luật.

UBND xã P xét thấy việc ông Hoàng Nghĩa D yêu cầu UBND xã phải bồi thường thiệt hại số tiền 143.100.000 đồng là vô lý, không có cơ sở.

**/ Người làm chứng ông Lê Minh T trình bày có nội dung như sau:*

Ngày 20/4/2015, nhận được ý kiến của quần chúng nhân dân phản ánh có hộ dân xây dựng công trình có vị trí giáp ranh lô đất Hội trường ban thôn M, để tránh việc xây dựng của người dân và làm bờ rào sang đất chuyên dùng làm phức tạp cho việc xử lý sau này. UBND xã P đã chỉ đạo bộ phận chuyên môn đến tại hiện trường thì phát hiện ông Hoàng Nghĩa D đang tổ chức xây dựng công trình và ông Tâm tiến hành lập biên bản làm việc ngày 20/4/2015. Trong biên bản không có nội dung bắt buộc ông D tháo dỡ 02 trụ cốt thép, móng của công trình phụ và chuyển dịch 27m chiều dài tường rào vào 0,30m, như ông D nêu trong đơn. Biên bản có nội dung công trình ông D đang xây vi phạm đất không được phép sử dụng phía trước

là 0,38m và 0,30m ở phía sau công trình nhà vệ sinh, nên yêu cầu ông D xây đúng diện tích được sử dụng. Tại thời điểm làm việc, qua xem xét hồ sơ cấp đất tái định cư, khi giải tỏa các hộ sử dụng đất được UBND huyện thống nhất tại phương án, hộ ông Nguyễn Ngọc X được cấp là 400m², là lô đất hiện nay ông D đang xây dựng và tiến hành đo đạc thì xác định đất ông D đang sử dụng và xây dựng đã vi phạm như đã nêu trên, đồng thời yêu cầu ông sử dụng đúng diện tích được cấp 400m².

Năm 2017, Ủy ban nhân dân xã tổ chức đo đạc và định vị ranh giới lô đất của ông Hoàng Nghĩa D để làm cơ sở giải quyết khiếu nại của ông D, kết quả đo đạc thể hiện: Cạnh hướng Đông 14m; cạnh hướng Tây 14,1m; cạnh hướng Nam 28,9m; cạnh hướng Bắc là 29,1m. Tổng diện tích đất ông D đang sử dụng là 407m² (diện tích được cấp là 400m², cấp cho ông Nguyễn Ngọc X), như vậy diện tích ông D sử dụng đã vượt 07m².

Lô đất của ông Hoàng Nghĩa D được định vị theo biên bản đo đạc ngày 04/10/2017 là đúng, đủ diện tích đất ông đang sử dụng. Việc ông D có đơn yêu cầu bồi thường đề ngày 30/3/2022 với các nội dung nêu trong đơn là không đúng, thiếu thiện chí. Tại biên bản làm việc ngày 18/8/2020, do Tòa án nhân dân huyện K lập có các nội dung: “Sau khi tiến hành kiểm tra thực địa và thống nhất phương án làm việc để tránh tranh chấp kéo dài ảnh hưởng đến an ninh chính trị tại địa phương”, nên UBND xã đã công nhận diện tích ngoài số đo có diện tích 407m² là tạo điều kiện cho ông sử dụng để đảm bảo ổn định tình hình, từ đó ông D cho rằng mình xây dựng đúng và yêu cầu UBND xã P phải bồi thường, là không đúng.

**/ Người làm chứng bà Lê Thị N trình bày có nội dung như sau:*

Vào thời điểm năm 2015 (thời điểm này bà N là Trưởng thôn M, xã P), hộ gia đình ông Hoàng Nghĩa D có xây công trình phụ (nhà tắm, nhà vệ sinh) phía cuối đất nhà ông D, giáp với Hội trường thôn M. Khi ông D xây dựng công trình phụ thì bà N có biết việc này nhưng không để ý, vì đất của nhà ông D. Sau đó có anh T, là cán bộ địa chính xã P đến kiểm tra việc xây dựng thì phát hiện ông D có lấn sang đất Hội trường thôn M nên đã lập biên bản vi phạm xây dựng của ông D. Sau khi lập biên bản vi phạm xây dựng thì UBND xã P đã làm việc với ông D để đảm bảo đúng phần diện tích đất của ông D, kể từ thời điểm đó ông D liên tục khiếu nại và khởi kiện UBND xã P về việc lập biên bản và cưỡng chế đối với phần đất xây dựng công trình phụ của gia đình ông D. Hiện trạng xây dựng của Hội trường thôn M và gia đình ông Hoàng Nghĩa D vẫn ổn định từ năm 2010 cho đến nay, bờ tường của thôn M chỉ xây dựng ba phía, phía giáp ranh với nhà ông D vẫn sử dụng hàng rào lưới B40 do hộ gia đình ông Nguyễn Ngọc X xây dựng. Sau khi ông D nhận chuyển nhượng thì có xây dựng thêm công trình phụ phía cuối đất.

Năm 2020, ông D có khởi kiện Ban thôn M về việc lấn chiếm đất của gia đình ông, qua đo đạc diện tích thực tế và hòa giải của Tòa án nhân dân huyện K. Qua bàn bạc và được sự đồng ý của UBND xã P, Ban thôn M đã quyết định dịch ranh giới giữa đất của Hội trường thôn M và gia đình ông Hoàng Nghĩa D vào 20cm (kéo dài hết đất) về phía Hội trường thôn M. Sau khi các bên thống nhất thì ông D rút đơn khởi kiện đối với Ban thôn M.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2022/DS-ST ngày 31/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ: Khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 266; Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Khoản 1 Điều 47 BLTTDS; Khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Nghĩa D về việc yêu cầu bị đơn Ủy ban nhân dân xã P, huyện K phải bồi thường tổng số tiền 143.100.000 đồng.

Về chi phí tố tụng: Ông Hoàng Nghĩa D phải chịu số tiền 2.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Khấu trừ vào số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng chi phí tố tụng ông D đã nộp tại Tòa án và đã chi phí xong.

Về án phí: Nguyên đơn ông Hoàng Nghĩa D phải chịu án phí án phí sơ thẩm dân sự là 7.155.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.178.000 đồng theo biên lai số AA/2019/0018655 ngày 30/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, ông D còn phải nộp 4.977.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/9/2022, nguyên đơn ông Hoàng Nghĩa D có đơn kháng cáo, với nội dung: Bản án sơ thẩm đánh giá chứng cứ không đầy đủ và không khách quan, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình ông; đề nghị cấp phúc thẩm xem xét hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Hoàng Nghĩa D giữ nguyên đơn khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện và buộc UBND xã P phải bồi thường cho gia đình ông các khoản thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến xác định: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; về nội dung: Theo nội dung khởi kiện của ông D yêu cầu UBND xã P bồi thường thiệt hại phát sinh trong hoạt động quản lý hành chính, nên việc giải quyết yêu cầu được thực hiện theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Tại điểm a khoản 2 Điều 7 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, quy định về căn cứ xác định hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ gây thiệt hại và yêu cầu bồi thường, thì phải có văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường theo quy định. Tuy nhiên ngoài “Biên bản về việc đo đạc, xác định ranh giới đất đai” ngày 20/4/2015, thì ông D không có tài liệu, chứng cứ nào khác xác định việc hành vi của cán bộ công chức địa chính xã P là trái pháp luật. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông D thuộc trường hợp chưa đủ điều kiện khởi kiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bản án sơ thẩm không xem xét về

điều kiện khởi kiện mà đã thụ lý, xét xử và bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không đúng quy định, nên cần hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị căn cứ Căn cứ khoản 4 Điều 308 và Điều 311 Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Hoàng Nghĩa D; Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 37/2022/DS-ST ngày 31/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk và đình chỉ giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về nội dung yêu cầu khởi kiện: Nguyên đơn ông Hoàng Nghĩa D cho rằng ông xây công trình phụ và xây móng tường rào đúng phần đất đã nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Ngọc X và bà Nguyễn Thị H, nhưng UBND xã P, huyện K đã lợi dụng quyền hạn, chỉ đạo cho cán bộ địa chính và Ban thôn M, đã đến đo đất của gia đình ông và tiến hành lập “Biên bản về việc đo đạc, xác định ranh giới đất đai” ngày 20/4/2015, nội dung biên bản xác định gia đình ông lấn đất Hội trường thôn M, phía trước 0,38m, phía sau 0,30m và bắt buộc ông D ký vào biên bản, đồng thời phải dịch chuyển 27m tường rào vào 0,30m, tháo dỡ 02 trụ cốt thép và móng công trình phụ. Ông D xác định việc dịch chuyển công trình xây dựng đã gây thiệt hại về tài sản cho gia đình ông. Do đó, ông D khởi kiện yêu cầu UBND xã P phải bồi thường thiệt hại cho gia đình ông tổng số tiền là 143.100.000 đồng.

Như vậy, theo nội dung đơn khởi kiện, ông D yêu cầu UBND xã P bồi thường thiệt hại. UBND xã P là cơ quan Nhà nước, cán bộ địa chính của xã là người thực hiện công vụ trong hoạt động quản lý hành chính, nên đây là trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính và được thực hiện theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

[2] Về thủ tục, điều kiện khởi kiện, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Tại Điều 598 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *“Nhà nước có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ gây ra theo quy định của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước”*.

[2.2] Về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, quy định như sau:

Tại Điều 7 quy định:

1. Nhà nước có trách nhiệm bồi thường khi có đủ căn cứ sau đây:

a) Có một trong các căn cứ xác định hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ gây thiệt hại và yêu cầu bồi thường tương ứng quy định tại khoản 2 Điều này;

b) ...

2. Căn cứ xác định hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ gây thiệt hại và yêu cầu bồi thường tương ứng bao gồm:

a) Có văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường theo quy định của Luật này và có yêu cầu của cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại hoặc Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án dân sự giải quyết yêu cầu bồi thường;

b) Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án hành chính đã xác định có hành vi trái pháp luật của người bị kiện là người thi hành công vụ gây thiệt hại thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và có yêu cầu bồi thường trước hoặc tại phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại;

Điều 8 quy định Văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính quy định tại Điều 17 của Luật này, bao gồm:

1. Bản án, quyết định của của Tòa án có thẩm quyền xác định rõ hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ;

2. Quyết định giải quyết khiếu nại theo quy định của pháp luật về khiếu nại chấp nhận một phần hoặc toàn bộ nội dung khiếu nại;

Điều 17, quy định phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính, thì Nhà nước có trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong các trường hợp sau đây:

1. Ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trái pháp luật;

2. Áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm việc xử lý vi phạm hành chính trái pháp luật;

3. Áp dụng một trong các biện pháp khắc phục hậu quả vi phạm hành chính sau đây trái pháp luật:

a) Buộc tháo dỡ công trình, phần xây dựng không có phép hặc xây dựng không đúng giấy phép;

Tại khoản 5 Điều 3 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, quy định: “Văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường là văn bản đã có hiệu lực pháp luật do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền ban hành theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định, trong đó xác định rõ hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ hoặc là bản án, quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự xác định rõ người bị thiệt hại thuộc trường hợp được Nhà nước bồi thường.”

[2.3] Như vậy, đối chiếu với các quy định trên, để xác định trách nhiệm bồi thường của Nhà nước thì điều kiện là phải có Văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường theo quy định tại khoản 5 Điều 3 của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Nguyên đơn ông Hoàng Nghĩa D căn cứ vào “Biên bản về việc đo đạc, xác định ranh giới đất đai” ngày 20/4/2015, để khởi kiện yêu cầu UBND xã P bồi thường thiệt hại; ngoài biên bản này thì không có tài liệu, chứng cứ nào khác xác định việc hành vi của cán bộ công chức địa chính xã Pong Dang là trái pháp luật. Tuy nhiên, biên bản này không phải là Văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường theo quy định của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Do đó, yêu cầu khởi

kiện của ông Hoàng Nghĩa D thuộc trường hợp chưa đủ điều kiện khởi kiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên phải trả lại đơn khởi kiện cho người khởi kiện mới đúng quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét về điều kiện khởi kiện theo quy định của pháp luật mà đã thụ lý, xét xử và bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không đúng quy định, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm cần hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án, là phù hợp với quy định của pháp luật và người khởi kiện được quyền khởi kiện lại khi đã có đủ điều kiện khởi kiện.

[3] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn ông Hoàng Nghĩa D khởi kiện và có yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, nên phải chịu 2.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp (đã thực hiện và chi phí xong).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án vì chưa đủ điều kiện khởi kiện, nên ông Hoàng Nghĩa D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Hoàng Nghĩa D số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 4 Điều 308 và Điều 311 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Hoàng Nghĩa D;

Áp dụng: Điều Điều 598 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 3, khoản 1 và khoản 2 Điều 7, Điều 8 và Điều 17 của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước; Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2022/DS-ST ngày 31/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk và đình chỉ giải quyết vụ án.

2. Người khởi kiện được quyền nộp đơn khởi kiện lại khi đã có đủ điều kiện khởi kiện theo quy định của pháp luật.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Hoàng Nghĩa D phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền 2.000.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí tố tụng là 2.000.000 đồng ông D đã nộp tại Tòa án và đã chi phí xong.

4. Về án phí: Nguyên đơn ông Hoàng Nghĩa D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả cho ông Hoàng Nghĩa D số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.178.000 đồng theo biên lai số AA/2019/0018655 ngày 30/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

Hoàn trả cho ông Hoàng Nghĩa D số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2021/0020643 ngày 15/9/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao (Vụ 2);
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Búk;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Công Bình